TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 10 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa bà M và ông P.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Ông Trần Quang Vinh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 75/2021/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Tuyết M, sinh năm 1985.
Địa chỉ: ấp B, xã N, thành phố Tân An, tỉnh Long An.
- *Bị đơn*: Ông Võ Thành P, sinh năm 1984.
Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Huỳnh Tuyết M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông P kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, hôn nhân do hai bên tự tìm hiểu. Trong thời gian sống chung cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, ông P không quan tâm đến vợ con. Bà và ông P không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay. Bà thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà và ông P có 02 người con chung tên: Võ Huỳnh Yến P, sinh ngày 02/4/2010 và Võ Huỳnh Yến L, sinh ngày 22/4/2012. Hiện nay con chung đang

sống với bà. Nếu được ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ông Võ Thành P là bị đơn trình bày:

Thời gian, điều kiện kết hôn đúng như lời bà M trình bày nhưng diễn biến quá trình chung sống không đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng thỉnh thoảng cũng xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Ông và bà M không sống chung với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay bà M yêu cầu ly hôn ông không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn thương vợ, muốn vợ chồng hàn gắn để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Đúng như bà M trình bày. Nếu phải ly hôn, ông yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Tuyết M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Thành P. Ông P cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Ngãi Trị, huyện Châu Thành, tỉnh Long An vào ngày 18/5/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông P là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian sống chung giữa bà M và ông P đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Bà M và ông P không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay. Bà M kiên quyết yêu cầu ly hôn, ông P không đồng ý nhưng không có cách nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà M yêu cầu ly hôn với ông P là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

[3] Về nuôi con chung: Bà M và ông P có với nhau hai con chung tên Võ Huỳnh Yến P, sinh ngày 02/4/2010 và Võ Huỳnh Yến L, sinh ngày 22/4/2012. Hội đồng xét xử thấy rằng con chung đang sống ổn định với bà M, để không ảnh hưởng đến cuộc sống của hai con chung và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của hai con chung nên để bà M trực tiếp nuôi con chung là phù hợp, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Tuyết M và ông Võ Thành P.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Võ Huỳnh Yến P, sinh ngày 02/4/2010 và Võ Huỳnh Yến L, sinh ngày 22/4/2012 cho bà Huỳnh Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Võ Thành P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Huỳnh Tuyết M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000932 ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- UBND xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu HS.